

CHỦ ĐỀ 1: VĂN BẢN TRUYỆN KÝ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

Bài 1: Văn bản Tôi đi học

Tác giả: Thanh Tịnh

1. Kiến thức

- Nắm được cốt truyện, nhân vật, sự kiện trong đoạn trích “Tôi đi học”.
- Hiểu được nghệ thuật miêu tả tâm lý của trẻ nhỏ ở tuổi đến trường trong một văn bản tự sự qua ngòi bút Thanh Tịnh.

2. Kỹ năng

- Biết đọc - hiểu đoạn trích tự sự có yếu tố miêu tả và biểu cảm.
- Biết trình bày suy nghĩ, tình cảm về một sự việc trong cuộc sống của bản thân.

3. Định hướng phát triển năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân.
- Năng lực giao tiếp, thưởng thức văn học.

4. Thái độ

- Biết yêu thương, quý trọng thầy cô và gắn bó với bạn bè, trường lớp.

* Nội dung tích hợp giáo dục đạo đức: các giá trị YÊU THƯƠNG, TÔN TRỌNG, TRÁCH NHIỆM, TRUNG THỰC.

I/ Một vài nét về tác giả - Tác phẩm

1. Tác giả.

- Thanh Tịnh sinh năm 1911, mất năm 1988. Tên khai sinh là Trần Văn Ninh.

Truyện ngắn của ông trong trẻo mà êm dịu. Văn của ông nhẹ nhàng mà thâm sâu, mang dư vị man mác buồn thương, vừa ngọt ngào, vừa quyến luyến

2. Tác phẩm:

- Tôi đi học in trong tập truyện ngắn Quê mẹ (1941), thuộc thể loại hồi ký: ghi lại những kỷ niệm đẹp của tuổi thơ trong buổi tựu trường

II/ Phân tích tác phẩm

1. Tâm trạng của chú bé trong buổi tựu trường

a. Trên đường tới trường:

- Là buổi sớm đầy sương thu và gió lạnh chú bé cảm thấy mình trang trọng và đứng đắn trong chiếc áo vải dù đen dài – Lòng chú tung bùng, rộn rã khi được mẹ âu yếm nắm tay dắt đi trên con đường dài và hẹp – Cậu bé cảm thấy mình xúc động, ngỡ ngàng, lạ lẫm – Chú suy nghĩ về sự thay đổi – Chú băng khuâng thấy mình đã lớn.

b. Tâm trạng của cậu bé khi đứng trước sân trường

- Ngạc nhiên, ngỡ ngàng, vì sân trường hôm nay thật khác lạ, đông vui quá
- Nhớ lại trước đây thấy ngôi trường cao ráo sạch sẽ hơn các nhà trong làng. Nhưng lần này lại thấy ngôi trường vừa xinh xắn, oai nghiêm đĩnh đạc hơn
- Chú lo sợ vẩn vơ, sợ hãi khép nép bên người thân
- Chú cảm thấy tro trọi, lúng túng, vụng về....
- Khi nghe ông đốc gọi tên, chú bé giật mình, lúng túng, tim như ngừng đập ... oà khóc nức nở.

c. Tâm trạng của cậu bé khi dự buổi học đầu tiên.

- Khi vào lớp học, cảm xúc băng khuâng, hồi hộp dâng lên man mác trong lòng cậu. Cậu cảm thấy một mùi hương lạ bay lên. Thấy gì trong lớp cũng lạ lạ hay hay rồi nhìn bàn ghế rồi lăm nhận đó là của mình.

2. Hình ảnh người mẹ

- Hình ảnh người mẹ là hình ảnh thân thương nhất của em bé trong buổi tựu trường. Người mẹ đã in đậm trong những kỷ niệm mơn man của tuổi thơ khiến cậu bé nhớ mãi. Hình ảnh người mẹ luôn sánh đôi cùng nhân vật tôi trong buổi tựu trường. Khi thấy các bạn mang sách vở, tôi thèm thuồng muốn thử sức mình thì người mẹ cúi đầu nhìn con, cặp mắt âu yếm, giọng nói dịu dàng “thôi để mẹ cầm cho” làm cậu bé vô cùng hạnh phúc. Bàn tay mẹ là biểu tượng cho tình thương, sự săn sóc động viên khích lệ. Mẹ luôn đi sát bên con trai, lúc thì cầm tay, mẹ đẩy con lên phía trước, lúc bàn tay mẹ nhẹ nhàng xoa mái tóc của con....

V/ Bài tập:

Tóm tắt nội dung văn bản trong 20 dòng.

Bài 2: Văn bản trong lòng mẹ

(Trích : *Những ngày thơ ấu* – Nguyên Hồng)

1. Kiến thức:

- Khái niệm thể loại hồi ký
- Cốt truyện, nhân vật, sự kiện trong đoạn trích Trong lòng mẹ
- Ngôn ngữ truyện thể hiện niềm khao khát tình cảm ruột thịt chới vằng của nhân vật
- Ý nghĩa giáo dục: những thành kiến cổ hủ, nhỏ nhen, độc ác không thể làm khô héo tình cảm ruột thịt sâu nặng thòng liêng

2. Kỹ năng:

- Bước đầu biết đọc hiểu một vb hồi ký
- Vận dụng kiến thức về sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong vb tự sự để phân tích chi tiết trong đoạn trích

3. Thái độ:

- Giáo dục cho HS tình cảm gia đình, sự cảm thông với những số phận bất hạnh.

4. Năng lực phát triển.

a. Các năng lực chung.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ

I. Vài nét về tác giả, tác phẩm

1. Tác giả:

- Nguyên Hồng sinh ở thành phố Nam Định, nhưng Hải Phòng cửa biển đã khơi dậy và gắn bó với ông, với sự nghiệp văn chương của ông. Tác phẩm của ông thường viết về những con người nghèo khổ dưới đáy xã hội, với một lòng yêu thương đồng cảm vì vậy ông được coi là nhà văn của những con người cùng khổ.

II/ Phân tích tác phẩm

1. Nhân vật bé Hồng

a. Hoàn cảnh:

Là kết quả của cuộc hôn nhân không có tình yêu. Bố nghiện ngập, gia đình trở nên sa sút rồi bần cùng. Bố chết, chưa đoạn tang chồng, nhưng vì nợ nần cùng túng quá, mẹ phải bỏ đi tha phương cầu thực. Bé Hồng mồ côi, bơ vơ thiếu vắng tình

thương của mẹ, phải sống trong sự ghẻ lạnh của bà cô và họ hàng bên cha. Luôn bị bà cô tìm cách chia tách tình mẫu tử.

b. Đặc điểm:

Bé Hồng luôn hiểu và bên vực mẹ: Mẹ dù đi tha hương cầu thực, phải sống trong cảnh ăn chực nằm chờ bên nội. Bà cô luôn soi mói, dèm pha tìm cách chia cắt tình mẫu tử. Với trái tim nhạy cảm và bản tính thông minh, Hồng đã phát hiện ra ý nghĩ cay độc trong giọng nói khi cười rất kịch của bà cô. Em biết rất rõ bà cô cố gieo rắc vào đầu óc em những ý nghĩ để em khinh miệt vợ ruồng rẫy mẹ. Bằng tình yêu thương mẹ, bé Hồng đã rất hiểu, thông cảm với cảnh ngộ của mẹ nên em đã bên vực mẹ. Càng thương mẹ bao nhiêu, em càng ghê tởm, căm thù những cổ tục phong kiến đã đẩy đoạ mẹ. Một ý nghĩ táo tợn như một cơn giông tố đang trào dâng trong em.

Bé Hồng luôn khao khát được gặp mẹ. Khao khát đó của Hồng chẳng khác nào khao khát của người bộ hành trên sa mạc khao khát một dòng nước, và em sẽ gục ngã khi người ngồi trên chiếc xe kéo kia không phải là mẹ. Em đã ung sướng và hạnh phúc khi được ngồi trong lòng mẹ. Khi mẹ gọi, em trèo lên xe, mừng ríu cả chân lại. Em oà lên và cứ thế nức nở. Đó là giọt nước mắt của sự tủi thân bàng hoàng. Trong cái cảm giác sung sướng của đứa con ngồi cạnh mẹ, em đã cảm nhận được vẻ đẹp của mẹ. Em mê man, ngây ngất đắm say trong tình yêu thương của mẹ.

2. Nhân vật mẹ bé Hồng:

- Là phụ nữ gặp nhiều trái ngang, bất hạnh trong cuộc đời. Thời xuân sắc là một phụ nữ đẹp nhất phố hàng cau, bị ép duyên cho một người hơn gấp đôi tuổi mình. Bà chôn vùi tuổi xuân trong cuộc hôn nhân ép buộc. Chồng chết, với trái tim khao khát yêu thương, bà đã đi bước nữa thì bị cả xã hội lên án.

- Luôn sống tình nghĩa: Đến ngày giỗ đầu của chồng- về.

- Yêu thương con: Khi gặp con khi được ôm hình hài máu mủ đã làm cho người mẹ lại tươi đẹp.

3. Hình ảnh bà cô

Có tâm địa xấu xa độc ác. Bà là người đại diện, là người phát ngôn cho những hủ tục phong kiến. Bà được đào tạo từ xã hội phong kiến nên suy nghĩ của bà mang nặng tính chất cổ hủ.

4. Nghệ thuật đoạn trích

Những ngày thơ ấu là cuốn tiểu thuyết tự truyện thuộc thể hồi ký có sự kết hợp hài hoà giữa sự kiện và bày tỏ cảm xúc, là tác phẩm tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Nguyên Hồng tha thiết, giàu chất trữ tình và thấm đẫm cảm xúc.

Bài tập:

Tóm tắt nội dung văn bản trong 20 dòng.

3. Thế nào là trường từ vựng?

Ví dụ SGK: Các từ in đậm: "mặt, mắt, da, gò má, đùi, đầu, cánh tay, miệng" cùng là các bộ phận trên cơ thể con người.

- Những từ in đậm trong đoạn trích có nét chung về nghĩa: Mặt, mắt, da, gò má, đùi, đầu, cánh tay, miệng => Có nét chung về nghĩa: chỉ bộ phận cơ thể con người.

Kết luận: Trường từ vựng là tập hợp của những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.

Lưu ý:

a. Một trường từ vựng có thể có nhiều trường từ vựng.

- b. Một trường từ vựng có thể bao gồm những từ khác biệt nhau về từ loại
c. Một trường từ vựng có thể bao gồm những từ khác biệt nhau về từ loại.

Luyện tập:

Học sinh làm các bài tập 1,2,3 trong sách giáo khoa.

4. XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN

I. Thế nào là đoạn văn?

Câu 1.

Văn bản gồm 2 ý, mỗi ý được triển khai dưới hình thức một đoạn văn.

Câu 2: Dấu hiệu hình thức:

- Lùi đầu dòng.
- Chữ cái đầu dòng viết hoa và kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng.

Câu 3.

(Ghi nhớ SGK)

Đoạn văn là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản, bắt đầu từ chữ viết hoa lùi đầu dòng, kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng và thường biểu đạt một ý tương đối hoàn chỉnh. Đoạn văn thường có nhiều câu tạo thành.

II. Từ ngữ và câu trong đoạn văn

1. Từ ngữ chủ đề và câu chủ đề của đoạn văn

a. “Ngô Tất Tố, ông, nhà văn, Tác phẩm chính của ông” => Đây là những từ ngữ có tác dụng duy trì chủ đề của đoạn văn.

b. Tất đền là tác phẩm tiêu biểu nhất của Ngô Tất Tố => Đây là câu chủ đề, có ý nghĩa then chốt trong đoạn 2. Vì, nó khái quát nội dung của toàn đoạn văn.

c. Từ ngữ chủ đề là các từ ngữ được dùng để làm đề mục nhằm mục đích duy trì nội dung cần biểu đạt trong văn bản.

- Câu chủ đề làm nhiệm vụ khái quát nội dung của toàn đoạn văn hoặc văn bản.

2. Cách trình bày nội dung đoạn văn

a.

- Đoạn thứ nhất: Được trình bày theo lối song hành, trong đoạn không có câu chủ đề.

- Đoạn thứ hai: Được trình bày theo lối quy nạp, câu chủ đề nằm ở cuối đoạn.

- Đoạn thứ ba: Được trình bày theo lối diễn dịch, câu chủ đề nằm ở đầu đoạn thu tóm toàn bộ nội dung của đoạn.

b. Đoạn văn được trình bày theo hình thức quy nạp. Câu chủ đề nằm ở cuối đoạn “Nhu vậy, lá cây có màu xanh là do chất diệp lục chứa trong thành phần tế bào”.

III. Luyện tập

Học sinh làm các bài tập 1, 2, 3 trong sgk.

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Ngữ Văn	1. Văn bản “Tôi đi học”	1..... 2.....

	2. Văn bản “Trong lòng mẹ”	 3.....
--	----------------------------------	--------------------------